

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

American Auditing

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1 - 2
2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN 3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 5 - 9
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 11 - 12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 13 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) (dưới đây được gọi là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 27 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề chính của Công ty

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội Đồng Quản Trị

Ông: Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Bằng Nguyên	Thành viên
Ông: Đặng Xuân Long	Thành viên
Ông: Võ Đắc Khôi	Thành viên
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
Ông: Trương Thành Nhân	Thành viên
Ông: Nguyễn Thanh Minh	Thành viên
Ông: Nguyễn Nam Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

Ông: Nguyễn Ngọc Trường Chinh	Tổng Giám Đốc
-------------------------------	---------------

Ban Kiểm Soát

Ông: Phạm Trần Duy Huyền	Trưởng ban
Bà: Lê Thị Phương Uyên	Thành viên
Bà: Quan Diễm Trang	Thành viên

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Hội đồng Quản trị cho rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến cũng như đến số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính trong năm hiện hành.

Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng nhất;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ đúng các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN KHẮC SƠN

Chủ tịch

Số : 20110503001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi là Công ty) gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc
Kiểm Toán Viên Việt Nam
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0357/KTV
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2011

Nguyễn Phương Lan Anh

Giám đốc
Kiểm Toán Viên Việt Nam
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0673/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080 Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.211.308.143	86.096.553.234
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		6.155.710.240	28.694.328.594
1. Tiền	111	V.01	6.155.710.240	28.694.328.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	30.690.039.536	41.469.932.722
1. Đầu tư ngắn hạn	121		39.136.914.248	48.318.719.283
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(8.446.874.712)	(6.848.786.561)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.129.707.305	15.186.907.399
1. Phải thu của khách hàng	131	V.04	233.646.730	32.822.000
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	19.379.250	2.176.096.837
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		44.237.204	14.025.071
5. Các khoản phải thu khác	138	V.05	44.832.444.121	12.963.963.491
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.235.851.062	745.384.519
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		526.949.653	685.302.610
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		708.901.409	60.081.909
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.631.009.738	26.383.277.203
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.368.848.956	26.087.603.572
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	13.058.640.175	15.272.659.666
- Nguyên giá	222		20.075.612.145	20.233.647.432
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.016.971.970)	(4.960.987.766)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	14.310.208.781	10.814.943.906
- Nguyên giá	228		17.025.856.156	12.326.507.857
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.715.647.375)	(1.511.563.951)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080 Fax: (84-8) 3 9107081

*Mẫu số B01 - CTCK**Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC**ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	-
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.262.160.782	295.673.631
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.062.975.051	159.154.775
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	199.185.731	136.518.856
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		111.842.317.881	112.479.830.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		20.401.447.972	8.242.659.524
I. Nợ ngắn hạn	310		20.401.447.972	8.242.659.524
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	10.000.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	111.022.131	-
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	5.000.000	15.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	123.516.258	19.672.510
5. Phải trả công nhân viên	315		391.849.748	172.937.000
6. Chi phí phải trả	316	V.13	151.468.302	27.673.554
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		7.911.580.510	7.914.828.667
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		246.116.653	6.791.700
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		287.334.690	-
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	328	V.14	1.173.559.680	85.756.093
13. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.440.869.909	104.237.170.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	91.440.869.909	104.237.170.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(43.559.130.091)	(30.762.829.087)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		111.842.317.881	112.479.830.437

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Ttr 95/2008 /TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÈM KT	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	153.083.420.000	75.694.380.000
Trong đó:			
6.1- Chứng khoán giao dịch	007	139.642.650.000	75.644.620.000
6.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.824.420.000	8.405.800.000
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009	133.818.230.000	67.238.820.000
6.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.1.4- CK giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012	8.690.720.000	49.760.000
6.2.1- CK tạm ngừng giao dịch thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014	8.690.720.000	49.760.000
6.2.3- CK tạm ngừng GD khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4- CK tạm ngừng GD của tổ chức khác	016	-	-
6.3- Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3. CK cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4. CK cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.4.1. CK tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-
6.4.2. CK tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-
6.4.3. CK tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-
6.4.4. CK tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027	4.201.300.000	-
6.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029	4.201.300.000	-
6.5.3. CK chờ thanh toán khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4. CK chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.6.1. CK phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-
6.6.2. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-
6.6.3. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-
6.6.4. CK phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037	548.750.000	-
6.7.1. CK chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	548.750.000	-
6.7.3. CK chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4. CK chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.8.1. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của TV lưu ký	043	-	-
6.8.2. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH trong nước	044	-	-
6.8.3. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH nước ngoài	045	-	-
6.8.4. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niên	050	945.820.000	-
Trong đó:			
7.1- Chứng khoán giao dịch	051	944.320.000	-
7.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053	944.320.000	-
7.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	-	-
7.1.4- CK giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1- CK tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2- CK tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	058	-	-
7.2.3- CK tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	059	-	-
7.2.4- CK tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061	-	-
7.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3. CK cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4. CK cầm cố của tổ chức khác	065	-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1. CK tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2. CK tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3. CK tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4. CK tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071	1.500.000	-
7.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2. CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	1.500.000	-
7.5.3. CK chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4. CK chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1. CK phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-
7.6.4. CK phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-

Handwritten signature: nallul

NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY
Kế toán trưởng



TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010**

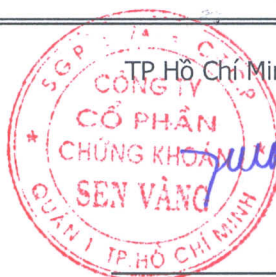
Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01	VI.1	12.984.518.021	35.268.099.418
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.451.856.750	2.876.599.838
- Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.199.444.928	7.817.493.216
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.499.740.655	378.962.345
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		833.475.688	24.195.044.019
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		12.984.518.021	35.268.099.418
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.3	6.925.048.559	17.705.918.931
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		6.059.469.462	17.562.180.487
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.994.372.248	13.392.920.935
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(11.934.902.786)	4.169.259.552
8. Thu nhập khác	31		290.909.212	3.477.513
9. Chi phí khác	32		557.243.508	22.097.841
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(266.334.296)	(18.620.328)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(12.201.237.082)	4.150.639.224
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		(12.201.237.082)	4.150.639.224
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(904)	307

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2011



NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B03 – CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2010**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(12.201.237.082)	4.150.639.224
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.631.563.275	3.527.349.505
- Các khoản dự phòng	03	1.598.088.151	(18.998.854.375)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.449.130.562)	(2.773.374.654)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(8.420.716.218)	(14.094.240.300)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.759.882.006)	8.632.634.864
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19.181.805.035	2.190.621.653
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	803.648.919	6.545.088.973
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(745.467.319)	449.326.798
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	287.592.355.373	49.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(315.710.290.922)	(40.716.312)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.058.547.138)	3.731.715.676
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.470.052.130)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	290.909.091	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.000.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.000.000.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.699.071.823	2.769.489.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.480.071.216)	2.769.489.701
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B03 – CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2010**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.000.000.000	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(22.538.618.354)	6.501.205.377
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.694.328.594	22.193.123.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.155.710.240	28.694.328.594

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1, Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 27 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2, Hoạt động kinh doanh:

a. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán

b. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán

- Tư vấn đầu tư chứng khoán

- Tự doanh chứng khoán

- Lưu ký chứng khoán

Vốn điều lệ 135.000.000.000 VND

c. Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 54 Người

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1, Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1)

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2)

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3)

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

2, Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp thuận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3, Hình thức số kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1, Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của một số nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trong bảng cân đối kế toán của Công ty.

2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

b. TSCĐ vô hình

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm giao dịch, hệ thống website, phần mềm AFE ...

Thời gian khấu hao là 03 - 15 năm.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác;

a. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

b. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước chủ yếu là chi phí thành lập doanh nghiệp, đồ dùng thiết bị văn phòng được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: theo phương pháp đường thẳng

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Phương pháp ghi nhận: khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả phải lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1, Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	82.181.589	66.776.213
Tiền gửi ngân hàng	3.151.391.651	25.976.836.381
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.922.137.000	2.650.716.000
Tổng cộng	6.155.710.240	28.694.328.594

2, Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	2.354.200	106.035.859.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	39.661.544	1.173.770.771.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
Tổng cộng	42.015.744	1.279.806.630.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

3, Tình hình đầu tư tài chính

CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán T. mại	-	-	-	-	-
II. Chứng khoán đầu tư					
- Sẵn sàng để bán	682.442	29.136.914.248	-	-	-
III. Đầu tư góp vốn					
IV. Đầu tư tài chính khác					
Tiền gửi có kỳ hạn		10.000.000.000			
Tổng cộng	682.442	39.136.914.248	-	-	-

4, Các khoản phải thu

	Cuối năm	Đầu năm
a. Phải thu khách hàng	233.646.730	32.822.000
b. Trả trước cho nhà cung cấp	19.379.250	2.176.096.837
c. Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán	44.237.204	14.025.071
Tổng cộng	253.025.980	2.208.918.837

5, Các khoản phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tổng cộng	44.832.444.121	12.963.963.491
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	44.832.444.121	12.963.963.491

6, Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ Hữu Hình				
Số dư đầu năm	5.822.554.857	13.426.112.475	984.980.100	20.233.647.432
- Mua trong năm	-	770.703.831	-	770.703.831
- Thanh lý, nhượng bán	928.739.118	-	-	928.739.118
Số dư cuối năm	4.893.815.739	14.196.816.306	984.980.100	20.075.612.145
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	2.322.884.860	2.337.136.764	300.966.142	4.960.987.766
- Khấu hao trong kỳ	978.763.148	1.284.553.353	164.163.350	2.427.479.851
- Thanh lý, nhượng bán	371.495.647	-	-	371.495.647
Số dư cuối năm	2.930.152.361	3.621.690.117	465.129.492	7.016.971.970
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
Tại ngày đầu năm	3.499.669.997	11.088.975.711	684.013.958	15.272.659.666
Tại ngày cuối năm	1.963.663.378	10.575.126.189	519.850.608	13.058.640.175

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

7, Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng Cộng
Số đầu năm	-	12.326.507.857	12.326.507.857
Tăng trong kỳ	-	4.699.348.299	4.699.348.299
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	17.025.856.156	17.025.856.156
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	1.511.563.951	1.511.563.951
Tăng trong kỳ	-	1.204.083.424	1.204.083.424
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	2.715.647.375	2.715.647.375
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	-	10.814.943.906	10.814.943.906
Số cuối kỳ	-	14.310.208.781	14.310.208.781

8, Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước	1.062.975.051	159.154.775
Tổng Cộng	1.062.975.051	159.154.775

9, Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	75.300.778	12.633.903
Tiền lãi phân bổ trong năm	3.884.953	3.884.953
Tổng cộng	199.185.731	136.518.856

10, Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
	10.000.000.000	-

11, Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

a. Phải trả người bán

	Cuối năm	Đầu năm
	111.022.131	-

b. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
	5.000.000	15.000.000

12, Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	26.543.960	4.768.934
Thuế thu nhập cá nhân	96.972.298	14.903.576
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	123.516.258	19.672.510

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

13, Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí phải trả khác	151.468.302	27.673.554
Tổng cộng	151.468.302	27.673.554

14, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội	34.453.300	14.179.891
Các đối tượng khác	1.139.106.380	71.576.202
Tổng cộng	1.173.559.680	85.756.093

15, Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phôi
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	(34.913.468.311)
Tăng vốn trong năm trước	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	4.150.639.224
Lợi nhuận giảm trong năm trước	-	-
Số dư cuối năm trước	135.000.000.000	(30.762.829.087)
Số dư đầu năm nay	135.000.000.000	(30.762.829.087)
Điều chỉnh tăng vốn góp	-	-
Lợi nhuận tăng trong giai đoạn 01/01/2010 đến 31/12/2010	-	(12.201.237.082)
Lợi nhuận giảm trong giai đoạn 01/01/2010 đến 31/12/2010	-	(595.063.922)
Số dư cuối kỳ tại thời điểm 31/12/2010	135.000.000.000	(43.559.130.091)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1, Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	12.984.518.021	35.268.099.418
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.451.856.750	2.876.599.838
Cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu đầu tư chứng khoán	4.199.444.928	7.817.493.216
Doanh thu hoạt động tư vấn	4.499.740.655	378.962.345
Doanh thu khác	833.475.688	24.195.044.019

2, Các khoản giảm trừ doanh thu:

Doanh thu thuần	12.984.518.021	35.268.099.418
------------------------	-----------------------	-----------------------

3, Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động kinh doanh	6.925.048.559	17.705.918.931
Tổng cộng	6.925.048.559	17.705.918.931

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1, Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	25,60%	23,46%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	74,40%	76,54%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	18,24%	7,33%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	81,76%	92,67%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Hệ số thanh toán tổng quát (lần)	5,48	13,65
2.2 Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	4,08	10,45
2.3 Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	4,08	10,45
2.4 Hệ số khả năng thanh toán tức thời (bằng tiền) (lần)	0,30	3,48

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2011



NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG CHINH
Tổng giám đốc